

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 724/2022/DS-PT
Ngày 13/10/2022
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và
hủy giấy CNQSDĐ”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Đỗ Đình Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2022/DSPT ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1918/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thanh B, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số nhà 62/4, Tổ 3, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà 187, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp - Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2022 (có mặt).

Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Hiếu, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1953; bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1954;

Cùng địa chỉ: Số nhà 60/4, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L1: Ông Huỳnh Thanh L2, sinh năm 1980. Địa chỉ: 82 Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp - Văn bản ủy quyền ngày được chứng thực ngày 10/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Võ Thị H, sinh năm 1980;

3.2. Võ Thị H1, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số nhà 60/4, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Thị P, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà 339, Tổ 8, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Võ Văn M, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 60B/4, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Võ Thanh H2, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 60A/4, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, ông H2, bà H1, bà H, bà P: Ông Huỳnh Thanh L2, sinh năm 1980. Địa chỉ: 82 Khóm 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp - Văn bản ủy quyền ngày được chứng thực ngày 10/10/2022 và ngày 12/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3.6. Võ Thị Bông, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số nhà 62/4, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bông: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà 187, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp - Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2022 (có mặt).

3.7. Ủy ban nhân dân huyện L;

Người đại diện theo pháp luật là: Ông Nguyễn Hữu Nghĩa, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L (có đơn xử vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Thanh B trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 436, tờ bản đồ số 02 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy), diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 562m², diện tích theo đo đạc thực tế là 164m² do ông đứng tên quyền sử dụng đất, tại xã P, huyện L có nguồn gốc là của ông bà còc cho ông Tiên, ông Tiên cho ông nội ông tên Võ Tấn Hưng (Ông Hưng là em nuôi ông Tiên). Ông Hưng ở phần đất này từ năm 1972, sau đó được Nhà nước cất nhà tình thương, đến khoảng năm 2010 Nhà nước cất nhà cho ông Hưng theo diện 167. Do phần đất này giáp

đường lộ ồn ào nên ông Hưng dời về phần đất ở phía sau để cất nhà. Năm 2008 ông Hưng tặng cho ông toàn bộ phần đất đang tranh chấp này. Do tặng cho hết thửa nên không có đo đạc thực tế và do làm đường nên diện tích hiện nay chỉ còn lại 164m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M12, M9, M10, M1. Do ông đi làm ăn xa, một năm mới về 01 đến 02 lần nên gia đình ông L lấn chiếm 120m² đất trong phạm vi các mốc M2, M3, M12, M9, M10, M11, M2 theo Sơ đồ đo đạc ngày 10/8/2020 để làm mái hiên, nhà vệ sinh, nhà bếp và chuồng nuôi gà ông không biết, khi biết được ông mới tranh chấp.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị P, anh Võ Văn M, anh Võ Thanh H2 phải di dời cây trồng và tài sản khác có trên đất để trả lại cho ông 120m² đất thuộc một phần thửa số 436, tờ bản đồ số 02, do ông đứng tên quyền sử dụng đất tại xã P, huyện L trong phạm vi các mốc M2, M3, M12, M9, M10, M11, M2. Đối với 3 cây dừa trên phần đất tranh chấp là do ông Hưng trồng vào năm 2001 nên ông yêu cầu được sở hữu 3 cây dừa này.

Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay ông đang giữ, không có thể chấp.

Đối với yêu cầu của phía Bị đơn, ông không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đối với phần diện tích đất 120m² nêu trên.

Bị đơn ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Vợ chồng ông sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 435, tờ bản đồ số 02, (Tương ứng với thửa 34, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 375m², diện tích theo đo đạc thực tế 238,8m² do Võ Văn L đứng tên quyền sử dụng đất tại xã P, huyện L, giáp với thửa đất số 436, tờ bản đồ số 02 do ông Võ Thanh B đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc là của mẹ ông là bà Trương Thị Quân sử dụng từ năm 1952, bà Quân cho ông Hưng ở nhờ năm 1972 một phần đất nhỏ giáp đường nông thôn diện tích 44m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M11, M10, M1 nay vẫn còn hiện trạng nền nhà. Nhà nước có cất căn nhà nhỏ cho ông Hưng ở trên phần đất này. Khoảng năm 2010 Nhà nước cất nhà theo diện 167 cho ông Hưng, do phần đất nhỏ không cất nhà được nên dời về phần đất của ông Hưng ở phía sau để cất nhà.

Năm 1996 ông kê khai và được cấp quyền sử dụng đất thửa đất số 435, tờ bản đồ số 02 nêu trên. Phần đất đang tranh chấp gia đình ông sử dụng cất mái hiên từ năm 1997. Cách nay khoảng hơn 10 năm có sửa chữa lại, làm nhà tắm, nhà bếp lại như hiện nay. Khi xây dựng ông Võ Tấn Hưng vẫn còn sống, không ai tranh chấp. Gia đình ông không biết phần đất gia đình ông sử dụng ổn định nhưng ông Võ Tấn Hưng kê khai đứng tên, sau đó tặng cho anh Võ Thanh B. Đối với 03 cây dừa do vợ ông là bà Nguyễn Thị L1 trồng khoảng năm 1997 và sử dụng đến nay.

Phần đất tranh chấp từ mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 diện tích 120m² theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp được đo vẽ ngày 10/8/2020 là của gia đình ông bà sử dụng từ trước đến nay nhưng không biết lý do ông Võ Tấn Hưng đứng tên quyền sử dụng đất, sau đó tặng cho ông Võ Thanh B. Gia đình

ông bà không đồng ý theo yêu cầu của ông B, Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận là sai. Ông bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B đối với phần đất diện tích 120m² tranh chấp nêu trên để cấp lại cho gia đình ông bà đối với phần đất này.

Phần đất trong phạm vi các mốc M1 đến M2, M11, M10, M1 diện tích 44m² theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp, được đo vẽ ngày 10/8/2020 ông bà không có tranh chấp.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Võ Văn M, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị P trình bày: Các anh chị là con của ông Võ Văn L. Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông Võ Văn L. Ngoài ra không trình bày yêu cầu gì khác.

+ Chị Võ Thị Bông trình bày: Chị là vợ của ông Võ Thanh B. Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh Võ Thanh B. Ngoài ra không trình bày yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự số 11/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ Điều 246, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 của luật Đất đai; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Thanh B.

2. Buộc hộ ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 gồm: Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị P, anh Võ Văn M, anh Võ Thanh H2 phải di dời toàn bộ tài sản của mình (Nếu có, trừ 03 cây dừa) để giao trả cho anh Võ Thanh B 120m² đất thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) trong phạm vi các mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Võ Thanh B được quyền sử dụng 120m² đất thuộc thửa 426, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) và sở hữu 03 cây dừa trong phạm vi các mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 đất tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Võ Thanh B đối với 120m² đất thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) và sở hữu 03 cây dừa trong phạm vi các mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho hộ gia đình ông bà.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/6/2022 ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Võ Thanh B. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án; người kháng cáo cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Quân sử dụng trước năm 1975, sau đó tặng cho ông L, bà L1 và đến năm 1996 ông L, bà L1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 375m² tại thửa 435. Năm 2006 ông Hưng được cấp giấy và ông Hưng tặng cho đất cho ông B, khi làm thủ tục cấp giấy cho ông Hưng không ký giáp ranh nên đã cấp trùng lên thửa 435 của ông L, bà L1. Hiện nay ông L, bà L1 đã xây dựng công trình phụ trên đất; do đó đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông L, bà L1, sửa bản án sơ thẩm, giao trả 120m² đất cho ông L, bà L1.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hai bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Tin tặng cho ông Hưng và bà Quân sử dụng. Thửa đất 436 ông Hưng đã cất nhà ở từ năm 1972, hiện vẫn còn nền nhà diện tích 44m²; ông Hưng kê khai sử dụng năm 2006 được cấp giấy tại thửa 436, năm 2008 tặng cho ông B và cập nhật sang tên ông B là đúng quy định. Bị đơn cho rằng diện tích đất cấp cho ông Hưng tặng cho ông B bị chồng lấn lên thửa 435 là không căn cứ. Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông L và bà L1, giữ y bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo của ông L, bà L1: Năm 1996 ông L, bà L1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 375m² tại thửa 435; đến năm 2006 ông Hưng được cấp giấy diện tích 562m² tại thửa 436 và ông Hưng tặng cho đất cho ông B. Trong quá trình sử dụng thửa 435 ông L, bà L1 không kê khai, đăng ký thửa 436; khi cấp giấy cho ông Hưng và sau này là ông B thì ông L, bà L1 không có ý kiến khiếu nại. Ngoài ra, các đương sự cũng thừa nhận trên đất tranh chấp có 4 cây dừa, trong đó có 01 cây dừa của ông Hưng nhưng do đường dây điện đi qua nên đã đốn bỏ nên có căn cứ cho rằng 03 cây dừa nêu trên là do ông Hưng trồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đề nghị bác đơn kháng cáo của ông L, bà L1, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1 đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện của ông Võ Thanh B, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là đúng quan hệ tranh chấp; vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 34, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Thanh L2 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để triệu tập UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp là cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hưng, ông B nhằm làm rõ việc cấp giấy có đúng pháp luật hay không. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã có ý kiến về vụ kiện và cung cấp tài liệu cho Tòa án; đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa phúc thẩm UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu của ông Liêm, tiến hành xét xử vắng mặt UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

[3]. Xét đơn kháng cáo của ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1:

[3.1]. Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1 đã thừa nhận ông Hưng sử dụng một nền nhà từ năm 1972 diện tích 44m² thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy), đất tọa lạc tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

[3.2]. Theo tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, trong quá trình sử dụng thửa đất trên, ông Hưng kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/01/2006 với diện tích 562m², trên đất có nền nhà diện tích 44m²; đến ngày 27/8/2008 ông Hưng tặng cho thửa đất trên cho ông B, ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/9/2008 (BL: 271-272).

[3.3]. Tại cấp sơ thẩm ông L và bà L1 cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp của bà Quân (mẹ ông L) cho ông Hưng mượn để cất nhà ở. Tuy nhiên, ông L và bà L1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện cho ông Hưng mượn đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà L1 cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh diện tích đất tranh chấp là của bà Quân.

[3.4]. Ông L và bà L1 cũng thừa nhận sau khi được bà Quân tặng cho đất, ông L và bà L1 kê khai diện tích 375m² đất tại thửa 435 của bà Quân tặng cho; còn thửa 436 tranh chấp không kê khai, đăng ký. Ngày 11/3/1996, ông L và bà

L1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 375m² tại thửa 435. Sau đó ông L và bà L1 nhận chuyển nhượng của ông Nhân khoảng 200m² đất ở phía sau, đến ngày 26/10/2010 ông L và bà L1 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hệ thống bản đồ chính quy diện tích là 819,3m² (BL: 129).

[3.5]. Theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, đã xác định ông L và bà L1 sử dụng 120m² đất thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy), tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đứng tên ông B. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà L1 cho rằng UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hưng và ông B tại thửa 436, trùng lên thửa 435 của ông L và bà L1 là không có căn cứ. Trên đất tranh chấp có 4 cây dừa, khi có đường dây điện đi qua một trong 4 cây dừa thì ông Hưng là người đốn bỏ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất và cây trồng trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông B là phù hợp và buộc ông L, bà L1 phải tháo dỡ, di dời tài sản công trình trên đất, để giao trả lại đất cho ông B; từ đó, không chấp nhận yêu cầu của ông L và bà L1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B, là có căn cứ.

[4]. Người đại diện theo ủy quyền của ông L và bà L1 cung cấp Bản tường trình của ông Nguyễn Văn Hải là người xây dựng nhà, mái hiên cho ông L và bà L1 vào năm 1997, 1998; tuy nhiên, đây không phải là tài liệu để chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông L, bà L1. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông L và bà L1; giữ y Bản án dân sự số 11/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ông L và bà L1 phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1; giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp như sau:

Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 166 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Thanh B.

2. Buộc hộ ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 gồm: Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1, chị Võ Thị H, chị Võ Thị H1, chị Nguyễn Thị P, anh Võ Văn M, anh Võ Thanh H2 phải di dời toàn bộ tài sản theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 (trừ 03 cây dừa) để giao trả cho ông Võ Thanh B 120m² đất thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) trong phạm vi các mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Võ Thanh B được quyền sử dụng 120m² đất thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) và sở hữu 03 cây dừa trong phạm vi các mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 đất tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Võ Thanh B đối với 120m² đất thuộc thửa 436, tờ bản đồ số 2 (Tương ứng với thửa 39, tờ bản đồ số 26 theo hệ thống bản đồ chính quy) và sở hữu 03 cây dừa trong phạm vi các mốc M2 đến M3, M12, M9, M10, M11, M2 tại xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để cấp lại cho hộ gia đình của ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 10/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị L1.

+ Ông Võ Thanh B được nhận lại 1.495.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0000167 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới chịu 6.014.000đ để trả lại cho ông Võ Thanh B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn L, bà Nguyễn Thị L1 được miễn.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện

L;

- Đương sự;
- Lưu VP (6), HS (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý